

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2022/DS-ST

Ngày: 10-8-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Ông Ksor Thí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tiền”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị V; địa chỉ: Số 49B Hùng Vương, tổ dân phố 7, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Phạm Thị H trình bày: Ngày 17/4/2019 (âm lịch), bà Phạm Thị H có cho bà Phạm Thị V vay số tiền 90.000.000 đồng. Khi vay tiền bà Phạm Thị V có ký giấy mượn tiền, không thể hiện thời hạn trả chỉ nói khi nào cần bà Phạm Thị H yêu cầu thì bà Phạm Thị V sẽ trả, nhưng sau đó bà Phạm Thị H đã yêu cầu nhiều lần mà bà Phạm Thị V vẫn không trả nên đến ngày 23-3-2022 bà Phạm Thị H đã gửi thông báo yêu cầu bà Phạm Thị V trả nợ. Sau khi hòa giải tại Tòa án, bà Phạm Thị V đã trả cho bà Phạm Thị H số tiền là 7.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 83.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, bà Phạm Thị H đã yêu bà Phạm Thị V cùng chồng là ông Bùi Văn Xuân trả nợ nhưng do giấy mượn tiền chỉ có bà Phạm Thị V ký nên tại phiên tòa bà Phạm Thị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu một mình bà Phạm Thị V trả cho bà Phạm Thị H số tiền còn nợ là 83.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Bà Phạm Thị H không đồng ý với đề nghị của bà Phạm Thị V về việc trả dần số tiền nợ hàng tháng từ 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng vì hiện nay bà Phạm Thị H cũng đang hết sức khó khăn.

2. Bị đơn bà Phạm Thị V trình bày: Bà Phạm Thị V có vay của bà Phạm Thị H số tiền 90.000.000 đồng, sau khi hòa giải tại Tòa án, bà Phạm Thị V đã trả cho bà Phạm Thị H số tiền là 7.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 83.000.000 đồng như bà Phạm Thị H trình bày là đúng. Bà Phạm Thị V đồng ý trả nợ nhưng đề nghị bà Phạm Thị H cho trả dần số tiền nợ hàng tháng từ 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng vì hiện nay bà Phạm Thị V không có việc làm ổn định, hoàn cảnh khó khăn, chưa có tiền để trả ngay một lần cho bà Phạm Thị H.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: 01 Giấy mượn tiền ghi ngày 17-4-2019 (âm lịch); 01 Căn cước công dân của bà Phạm Thị H; 01 Sổ hộ khẩu gia đình; 01 Thông báo ngày 23-3-2022; 01 Giấy báo phát.

Tòa án không thu thập tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết; Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Khi thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án xác định ông Bùi Văn Xuân là đồng bị đơn do bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị V và ông Bùi Văn Xuân trả nợ nhưng tại phiên tòa bà Phạm Thị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Bùi Văn Xuân trả nợ nên việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của ông Bùi Văn Xuân. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định ông Bùi Văn Xuân không còn tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án.

[2] Về số tiền nợ: Bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị V đều công nhận đến thời điểm xét xử thì bà Phạm Thị V còn nợ bà Phạm Thị H số tiền 83.000.000 đồng, đã đến hạn trả nợ nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

[3] Về việc trả nợ: Bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị V không thống nhất về thời gian trả nợ. Bà Phạm Thị V là người vay đồng ý trả nợ nhưng đề nghị bà Phạm Thị H cho trả dần số tiền nợ hàng tháng từ 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng nhưng không được bà Phạm Thị H là người cho vay đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H, buộc bà Nguyễn Thị Vân phải trả cho bà Phạm Thị H toàn bộ số tiền nợ gốc là 83.000.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Bà Phạm Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên

phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Buộc bà Phạm Thị V phải trả cho bà Phạm Thị H toàn bộ số tiền nợ là 83.000.000 đồng (tám mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bà Phạm Thị V phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.150.000 đồng (bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008501 ngày 24-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đính